

Số: 499/QĐ-THCSNVL

Quận 6, ngày 25 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn giảm tiền tổ chức học 2 buổi/ngày học kỳ II năm 2023-2024 và học kỳ I năm 2024-2025 cho học sinh theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN LUÔNG

Căn cứ vào Quyết định số 1414/QĐ-CT ngày 14 tháng 03 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Quận 6 về việc thành lập Trường THCS Nguyễn Văn Luông;

Căn cứ theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 5688/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 6 về giao chỉ tiêu dự toán ngân sách năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn giảm học phí học kỳ II năm học 2023-2024 cho 01 học sinh diện thương binh, 23 học sinh diện hoà nhập khuyết tật, 7 học sinh thuộc diện hộ nghèo, 27 học sinh thuộc diện hộ cận nghèo và thoát nghèo như sau:

- Thương binh: (mức buổi 2)/tháng

= 80.000 đồng/tháng/HS x 5 tháng x 01 HS = 400.000 đồng

- Hoà nhập khuyết tật: (mức buổi 2)/tháng

= 80.000 đồng/tháng/HS x 5 tháng x 23 HS = 9.200.000 đồng

- Hộ nghèo: (mức buổi 2)/tháng

= 80.000 đồng/tháng/HS x 5 tháng x 7 HS = 2.800.000 đồng

- Hộ cận nghèo và thoát nghèo: 50% x (buổi 2)/tháng

= 80.000 đồng/tháng x 50% x 5 tháng x 27 HS = 5.400.000 đồng

+ Số tiền miễn giảm: 400.000 đồng + 9.200.000 đồng + 2.800.000 đồng + 5.400.000 đồng = 17.800.000 đồng (theo danh sách đính kèm)

Điều 2. Miễn giảm học phí học kỳ I năm học 2024-2025 cho 3 học sinh thuộc diện hộ nghèo, 31 học sinh thuộc diện hộ cận nghèo và thoát nghèo như sau:

- Hộ nghèo: (mức buổi 2)/tháng

= 80.000 đồng/tháng/HS x 4 tháng x 3 HS = 960.000 đồng

- Hộ cận nghèo và thoát nghèo: 50% x (buổi 2)/tháng

= 80.000 đồng/tháng x 50% x 4 tháng x 31 HS = 4.960.000 đồng

+ Số tiền miễn giảm: 960.000 đồng + 4.960.000 đồng = 5.920.000 đồng (theo danh sách đính kèm)

Điều 3. Tổng số tiền miễn giảm là 23.720.000 (Bằng chữ: Hai mươi ba triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

Điều 4. Bộ phận tài vụ và các bộ phận thu tiền chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Phú Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN LUÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN GIẢM TIỀN HỌC 2 BUỔI/NGÀY HK2 - NH 2023-2024 THEO NĐ81/2021/NĐ-CP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 499/QĐ-THCSNVL ngày 25/11/2024 của Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Văn Luông)

STT	HỌ và TÊN	LỚP	MỨC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ BUỔI 2 HS/THÁNG	SỐ THÁNG HỌC	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
I	DIỆN CON THƯƠNG BINH				400.000	
1	Trần Huỳnh Ngọc Dung	9/7	80.000	5	400.000	
II	DIỆN KHUYẾT TẬT HÒA NHẬP				9.200.000	
1	Nguyễn Ngọc Phương Linh	8/2	80.000	5	400.000	
2	Huỳnh Ngọc Hòa	9/3	80.000	5	400.000	
3	Phan Phú Trọng	6/3	80.000	5	400.000	
4	Huỳnh Kim Các	6/1	80.000	5	400.000	
5	Trần Tường Vy	6/4	80.000	5	400.000	
6	Phạm Hoàng Phúc	6/4	80.000	5	400.000	
7	Đặng Vĩnh Trụ	8/1	80.000	5	400.000	
8	Nguyễn Huỳnh Thiên Lạc	8/2	80.000	5	400.000	
9	Nguyễn Khánh Phong	8/2	80.000	5	400.000	
10	Ngô Nguyễn Bảo Châu	8/3	80.000	5	400.000	
11	Nguyễn Ngọc Kim Phụng	8/4	80.000	5	400.000	
12	Lâm Ngọc Hiền	6/1	80.000	5	400.000	
13	Lê Võ Ngọc Bình	7/3	80.000	5	400.000	
14	Nguyễn Chí Thanh	7/1	80.000	5	400.000	
15	Nguyễn Ngọc Tâm Như	7/1	80.000	5	400.000	
16	Trình Thiện Phúc	7/4	80.000	5	400.000	
17	Võ Đình Minh Nhật	7/4	80.000	5	400.000	
18	Nguyễn Ngọc Trí	7/2	80.000	5	400.000	
19	Trương Anh Khôi	6/14	80.000	5	400.000	
20	Nguyễn Quốc Khánh	7/1	80.000	5	400.000	
21	Nguyễn Trần Đan Quỳnh	6/4	80.000	5	400.000	
22	Nguyễn Hoàng Sĩ Ân	7/7	80.000	5	400.000	
23	Nguyễn Hoàng Kim Thư	6/3	80.000	5	400.000	
III	HỘ NGHÈO				2.800.000	
1	Trần Thị Anh Thư	6/2	80.000	5	400.000	
2	Nguyễn Thanh Nhi	8/3	80.000	5	400.000	
3	Huỳnh Bảo Hưng	8/8	80.000	5	400.000	
4	Lê Thị Thu Hiền	9/4	80.000	5	400.000	
5	Lê Huy Hoàng	8/3	80.000	5	400.000	
6	Lê Văn Hòa	6/2	80.000	5	400.000	
7	Huỳnh Tuyết Nhi	6/10	80.000	5	400.000	
IV	HỘ CẬN NGHÈO				5.400.000	
1	Nguyễn Ngọc Hà	7/1	40.000	5	200.000	
2	Huỳnh Thị Ngọc Ánh	7/2	40.000	5	200.000	
3	Võ Phạm Huỳnh Liên	7/2	40.000	5	200.000	

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	MỨC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ BƯỚC 2 HS/THÁNG	SỐ THÁNG HỌC	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
4	Nguyễn Dương Nhật Minh	7/3	40.000	5	200.000	
5	Nguyễn Diệp Quỳnh Như	7/10	40.000	5	200.000	
6	Nguyễn Thủy Diễm	7/2	40.000	5	200.000	
7	Phạm Ngọc Thảo	8/2	40.000	5	200.000	
8	Hồ Phạm Bảo Trân	8/3	40.000	5	200.000	
9	Lê Thị Cẩm Tú	8/5	40.000	5	200.000	
10	Nguyễn Phương Quang Đại	9/2	40.000	5	200.000	
11	Huỳnh Trí Thành	9/2	40.000	5	200.000	
12	Nguyễn Ngọc Bảo Như	9/3	40.000	5	200.000	
13	Nguyễn Trung Thành	9/3	40.000	5	200.000	
14	Nguyễn Tường Vy	9/5	40.000	5	200.000	
15	Nguyễn Quốc Khải	9/5	40.000	5	200.000	
16	Lý Bình Phi	9/1	40.000	5	200.000	
17	Nguyễn Phương Ngọc Châu	6/3	40.000	5	200.000	
18	Nguyễn Thị Anh Thư	6/2	40.000	5	200.000	
19	Huỳnh Khưu Thanh Trúc	8/3	40.000	5	200.000	
20	Dương Chí Tài	6/3	40.000	5	200.000	
21	Phạm Thị Bích Diệu	8/4	40.000	5	200.000	
22	Lưu Quang Minh	6/2	40.000	5	200.000	
23	Phạm Hoàng Diệu Bảo	7/2	40.000	5	200.000	
24	Phạm Hoàng Bảo Ngọc	6/3	40.000	5	200.000	
25	Kỷ Thanh Sang	6/6	40.000	5	200.000	
26	Trần Âu Gia Bảo	6/3	40.000	5	200.000	
27	Võ Minh Thành	6/1	40.000	5	200.000	
Tổng cộng					17.800.000	

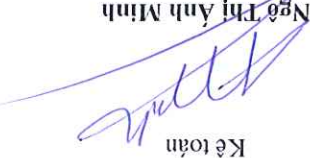
Mười bảy triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024

Hiệu trưởng



 *Dinh Phú Cường

Kế toán

 Ngô Thị Anh Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN LUÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN GIẢM TIỀN HỌC PHÍ 2 BUỔI/NGÀY HK1 - NH 2024-2025 THEO NĐ81/2021/NĐ-CP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: Agg QĐ-THCSNVL ngày 25/11/2024 của Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Văn Luông)

STT	HỌ và TÊN	LỚP	MỨC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ BUỔI 2 HS/THÁNG	SỐ THÁNG HỌC	THÀNH TIỀN HỌC PHÍ 2 BUỔI	GHI CHÚ
I	HỌ NGHEÒ				960.000	
1	Huỳnh Bảo Hưng	9/8	80.000	4	320.000	
2	Huỳnh Tuyết Nhi	7/3	80.000	4	320.000	
3	Lê Huy Hoàng	9/3	80.000	4	320.000	
II	HỌ CẠN NGHEÒ				4.960.000	
1	Nguyễn Ngọc Hà	8/1	40.000	4	160.000	
2	Võ Phạm Huỳnh Liên	8/2	40.000	4	160.000	
3	Nguyễn Dương Nhật Minh	8/3	40.000	4	160.000	
4	Lưu Dương Hân	8/3	40.000	4	160.000	
5	Nguyễn Thúy Diễm	8/2	40.000	4	160.000	
6	Phạm Ngọc Thắng	9/2	40.000	4	160.000	
7	Hồ Phạm Bảo Trân	9/3	40.000	4	160.000	
8	Lưu Dương Tuấn Nghĩa	9/3	40.000	4	160.000	
9	Lê Thị Cẩm Tú	9/5	40.000	4	160.000	
10	Tô Trí Vĩ	7/13	40.000	4	160.000	
11	Nguyễn Thị Anh Thư	7/2	40.000	4	160.000	
12	Kim Gia Long	6/9	40.000	4	160.000	
13	Nguyễn Thanh Nhi	9/3	40.000	4	160.000	
14	Nguyễn Phương Ngọc Châu	7/3	40.000	4	160.000	
15	Trần Thị Anh Thư	6/1	40.000	4	160.000	
16	Dương Chí Tài	7/3	40.000	4	160.000	
17	Phạm Thị Bích Diệu	9/4	40.000	4	160.000	
18	Lưu Quang Minh	6/2	40.000	4	160.000	
19	Phạm Hoàng Bảo Ngọc	7/3	40.000	4	160.000	
20	Phạm Hoàng Diệu Bảo	8/2	40.000	4	160.000	
21	Võ Minh Thành	7/1	40.000	4	160.000	
22	Hồ Phạm Kim Ngân	6/9	40.000	4	160.000	
23	Dương Bích Nghi	6/2	40.000	4	160.000	
24	Lê Hoàng Khải Minh	6/2	40.000	4	160.000	
25	Võ Phạm Bảo Trân	6/1	40.000	4	160.000	
26	Đỗ Hồng Bảo Khang	6/1	40.000	4	160.000	
27	Lê Văn Hòa	6/1	40.000	4	160.000	
28	Nguyễn Đức Anh	6/4	40.000	4	160.000	
29	Trương Tây Trúc	9/5	40.000	4	160.000	

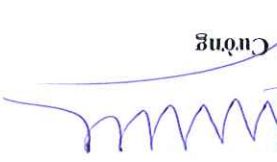
STT	HỌ và TÊN	LỚP	MỨC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ BUỔI 2 HS/THÁNG	SỐ THÁNG HỌC	THÀNH TIỀN HỌC PHÍ 2 BUỔI	GHI CHÚ
30	Huỳnh Khuu Thanh Trúc	9/3	40.000	4	160.000	
31	Huỳnh Thị Ngọc Anh	7/3	40.000	4	160.000	
Tổng cộng					5.920.000	

Bảng chữ

Năm triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng chẵn.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024

Hiệu trưởng


Đinh Phú Cường



Ngô Thị Ánh Minh


Kế toán